

Số 991 + 992

Ngày 27 tháng 7 năm 2025

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI CHÍNH

01-7-2025 -	Thông tư số 68/2025/TT-BTC ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh.	2
-------------	---	---

(Đăng từ Công báo số 985 + 986 đến số 991 + 992)

02-7-2025 -	Thông tư số 72/2025/TT-BTC quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.	68
-------------	---	----

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT BỘ TÀI CHÍNH

**Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025
ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp,
đăng ký hộ kinh doanh**

(Tiếp theo Công báo số 989 + 990)

Mẫu số 75

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP TỈNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện,
Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh**

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về
đăng ký doanh nghiệp,

Căn cứ Quyết định số.... ngày.... tháng.... năm.... về việc hủy bỏ Quyết định thu
hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động
chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) thông báo về việc khôi phục Giấy
chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh,
văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh đối với doanh
nghiệp như sau:

- Đối với doanh nghiệp thì ghi:

Tên doanh nghiệp (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm

Đăng ký thay đổi lần thứ:....., ngày..... tháng..... năm.....

Nơi cấp:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*đối với trường hợp không có mã số doanh nghiệp/mã số thuế*):..... Ngày cấp:../../..... Nơi cấp:.....

Tình trạng pháp lý:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Số fax:.....

Thư điện tử:..... Website:

Có các chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý chi nhánh:.....

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý văn phòng đại diện:.....

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý địa điểm kinh doanh:.....

• *Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thì ghi:*

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

.....

Mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện/mã số địa điểm kinh doanh:.....

.....

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm

Đăng ký thay đổi lần thứ:....., ngày..... tháng..... năm.....

Nơi cấp:.....

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (*trường hợp không có mã số/mã số thuế của chi nhánh/văn phòng đại diện*):.... Ngày cấp:../../... Nơi cấp:.....

Tình trạng pháp lý:.....

Có các địa điểm kinh doanh trực thuộc chi nhánh:

Tên, mã số, địa chỉ, tình trạng pháp lý địa điểm kinh doanh:

Là chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Điện thoại:..... Số fax:.....

Thư điện tử:..... Website:

(*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*) gửi thông báo tới (*Tên Cơ quan quản lý thuế.....*) để phối hợp quản lý.

Nơi nhận:

- Cơ quan quản lý thuế (*tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đăng ký trụ sở*);

- Lưu:.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 76

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP TỈNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc cấp đăng ký doanh nghiệp

(Áp dụng cho đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử)

Kính gửi: *(Tên doanh nghiệp)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Mã số: *(Mã số doanh nghiệp)*

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:.....Số fax:.....

Thư điện tử:.....Website:

Sau khi xem xét hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử của doanh nghiệp, số Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả:..... đã nhận ngày.../.../... về việc....., *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)* thông báo hồ sơ đăng ký doanh nghiệp của Ông/Bà đã được chấp thuận.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh chỉ cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì ghi:

Thông tin đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Trường hợp Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh trả kết quả là giấy chứng nhận/giấy xác nhận/thông báo cho doanh nghiệp thì ghi:

Đề nghị Ông/Bà liên hệ *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)* để nhận kết quả.

Mẫu số 77

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP TỈNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

Về việc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không có hiệu lực

Kính gửi: (Tên doanh nghiệp)

Địa chỉ: (Địa chỉ trụ sở chính)

Mã số: (Mã số doanh nghiệp/Số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh)

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh):

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Số fax:

Thư điện tử:..... Website:

Căn cứ:

- Kết luận/biên bản làm việc.....

- Căn cứ khác (nếu có):.....

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) thông báo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh không có hiệu lực như sau:..... (Ghi cụ thể nội dung tương ứng với các trường hợp theo quy định).

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh) đăng tải thông báo này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quản lý thuế;
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền:.....;
- Lưu:.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Kính gửi:

1. Thông tin người yêu cầu:

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân:.....

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Số Hộ chiếu (đối với cá nhân Việt Nam không có số định danh cá nhân)/Số Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Điện thoại:..... Thư điện tử (nếu có):.....

Là người đại diện của (nếu có):

2. Thông tin xuất biên lai:

Tên cá nhân/tổ chức:

Địa chỉ:

3. Thông tin yêu cầu:

STT	Tên sản phẩm	Số lượng sản phẩm
1	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của...	
2	Thông tin lịch sử 3 năm của doanh nghiệp...	
3	Thông tin doanh nghiệp mới nhất của...	
4	Sản phẩm khác	

Tôi/(*Tên tổ chức*) cam kết không sử dụng thông tin về đăng ký doanh nghiệp vào các mục đích trái pháp luật; Không cố ý làm sai lệch nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp, chuyển nhượng thông tin đăng ký doanh nghiệp bất hợp pháp, sai đối tượng; Chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực về nội dung của Giấy đề nghị này; Chịu trách nhiệm hoàn toàn về mọi hậu quả pháp lý phát sinh nếu có theo quy định pháp luật.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(*Ký và ghi họ tên*)¹

¹ Người đề nghị/Người đại diện của tổ chức ký trực tiếp vào phần này.

TÊN TỔ CHỨC¹**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Cơ quan đăng ký kinh doanh yêu cầu doanh nghiệp² thay đổi tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh).....

1. Trường hợp cá nhân đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì ghi:

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân:

*Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:**Số Hộ chiếu (đối với cá nhân Việt Nam không có số định danh cá nhân)/Số Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):.....**Ngày cấp:...../...../.... Nơi cấp:.....**Điện thoại (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):.....**2. Trường hợp tổ chức đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì ghi:*

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (nếu có):

¹ Chỉ kê khai tên đối với tổ chức.² Doanh nghiệp có tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp.

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Họ, chữ đệm và tên người đại diện:.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân của người đại diện:

Ngày cấp:..../..../... Nơi cấp:..... Ngày hết hạn (nếu có):.../.../...

Đề nghị (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh*) yêu cầu doanh nghiệp có tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh như sau:

Tên doanh nghiệp (*ghi bằng chữ in hoa*):

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế:.....

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....
Mã số/mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/mã số địa điểm kinh doanh:....

Lý do đề nghị:

.....
Kèm theo Giấy đề nghị này có:

1.

2.

3.

...

Tôi/(Tên tổ chức) cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(*Ký và ghi họ tên và đóng dấu*)³

³ Người đề nghị ký và ghi họ tên/Người đại diện của tổ chức ký và ghi họ tên và đóng dấu vào phần này.

Mẫu số 80

TÊN TỔ CHỨC¹

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Thu hồi giấy tờ² do kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo**

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh).....

1. Trường hợp cá nhân đề nghị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì ghi:

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân:

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai các thông tin cá nhân dưới đây:

Số Hộ chiếu (đối với cá nhân Việt Nam không có số định danh cá nhân)/Số Hộ chiếu nước ngoài hoặc giấy tờ có giá trị thay thế hộ chiếu nước ngoài (đối với cá nhân là người nước ngoài):.....

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:.....

Điện thoại (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):.....

¹ Chỉ kê khai tên đối với tổ chức.

² Tên giấy tờ đề nghị thu hồi: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp/Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh/Giấy xác nhận đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tạm ngừng hoạt động, thông báo tiếp tục kinh doanh, thông báo tiếp tục hoạt động/Thông báo doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động/Thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chấm dứt hoạt động.

2. Trường hợp tổ chức đề nghị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 68 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì ghi:

Tên tổ chức:

Mã số doanh nghiệp/Số Quyết định thành lập (nếu có):

Địa chỉ trụ sở chính:.....

Họ, chữ đệm và tên người đại diện:.....

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân của người đại diện:

Ngày cấp:...../...../... Nơi cấp:..... Ngày hết hạn (nếu có):...../...../...

Đề nghị thu hồi (Tên giấy tờ đề nghị thu hồi) được cấp lần thứ... (nếu có) ngày...../...../... tại (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh)..... của:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số doanh nghiệp/Mã số/mã số thuế chi nhánh/văn phòng đại diện/mã số địa điểm kinh doanh:

Lý do đề nghị thu hồi:.....

.....

Kèm theo Giấy đề nghị này có:

1.

2.

3.

...

Tôi/(Tên tổ chức) cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và tài liệu kèm theo.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ/NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký và ghi họ tên)³

³ Người đề nghị ký và ghi họ tên/Người đại diện của tổ chức ký và ghi họ tên và đóng dấu vào phần này.

Phụ lục II
BIỂU MẪU SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH
(Kèm theo Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Mẫu số 1	Giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 2	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 3	Giấy đề nghị đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của hộ kinh doanh
Mẫu số 4	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
Mẫu số 5	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 6	Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 7	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 8	Thông báo về cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh
Mẫu số 9	Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (<i>Dùng trong trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác</i>)
Mẫu số 10	Thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 11	Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định về hộ kinh doanh
Mẫu số 12	Thông báo về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 13	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh
Mẫu số 14	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 15	Quyết định về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của lần đăng ký thay đổi

Mẫu số 16	Quyết định về việc hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 17	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 18	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử
Mẫu số 19	Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện
Mẫu số 20	Giấy xác nhận về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký
Mẫu số 21	Thông báo về việc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực
Mẫu số 22	Thông báo yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi thành viên không được quyền thành lập hộ kinh doanh
Mẫu số 23	Thông báo về việc xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc ra thông báo, quyết định không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục
Mẫu số 24	Thông báo về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 25	Thông báo về việc hiệu đính nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 26	Thông báo về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh
Mẫu số 27	Thông báo về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động
Mẫu số 28	Thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh

Mẫu số 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:...../...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân:

Điện thoại (nếu có):..... Thụ điện tử (nếu có):

Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Đặc khu:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:.....

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Đặc khu:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:.....

Đăng ký hộ kinh doanh do tôi là chủ hộ với các nội dung sau:

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt (ghi bằng chữ in hoa):

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên hộ kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Trụ sở của hộ kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại:..... Fax (nếu có):.....

Thư điện tử (nếu có):..... Website (nếu có):

☐ Không kinh doanh tại trụ sở (đánh dấu X vào ô này nếu hộ kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định)

3. Ngành, nghề kinh doanh¹:

STT	Tên ngành	Mã ngành ²	Ngành, nghề kinh doanh chính ³

4. Vốn kinh doanh:

Tổng số (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

5. Thông tin đăng ký thuế:

5.1. Địa chỉ nhận thông báo thuế (chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở):

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

¹ - Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
 - Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
 - Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

² Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

³ Đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai làm ngành, nghề kinh doanh chính.

Điện thoại (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):.....

5.2. Ngày bắt đầu hoạt động⁴ (trường hợp hộ kinh doanh dự kiến bắt đầu hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thì không cần kê khai nội dung này):...../...../.....

5.3. Tổng số lao động (dự kiến):.....

5.4. Phương pháp tính thuế GTGT (chọn 1 trong 2 phương pháp):

☐

Phương pháp kê khai

☐

Phương pháp khoán

6. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: (đánh dấu X vào ô thích hợp)

☐

Cá nhân

☐

Các thành viên hộ gia đình

7. Thông tin về các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh⁵:

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Tôi xin cam kết:

- Bản thân (trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân đăng ký thành lập)/Bản thân và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập) đồng ý chia sẻ thông tin cá nhân được lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư cho Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã, Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh để phục vụ công tác quản lý nhà nước về đăng ký hộ kinh doanh theo quy định;

⁴ Trường hợp hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau ngày bắt đầu hoạt động đã kê khai thì ngày bắt đầu hoạt động là ngày hộ kinh doanh được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

⁵ - Chỉ kê khai trong trường hợp chủ thể thành lập hộ kinh doanh là các thành viên hộ gia đình và kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 5, 10, không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn.

- Bản thân (*trường hợp hộ kinh doanh do một cá nhân đăng ký thành lập*)/Bản thân và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (*trường hợp hộ kinh doanh do các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập*) không thuộc diện pháp luật cấm kinh doanh; không đồng thời là chủ hộ kinh doanh, thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh khác; không là chủ doanh nghiệp tư nhân;

- Trụ sở thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ kinh doanh và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật (*hộ kinh doanh chỉ cam kết trong trường hợp kinh doanh tại trụ sở*);

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung đăng ký trên.

CHỦ HỘ KINH DOANH

(Ký và ghi họ tên)⁶

⁶ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

TÊN HỘ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh

*(Dùng trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh,
đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh,
đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh)*

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....¹

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số hộ kinh doanh/Mã số đăng ký hộ kinh doanh/Mã số thuế:.....

A. ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Hộ kinh doanh đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh như sau:

Lưu ý:

- Hộ kinh doanh chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi tại Mục này.

- Trường hợp hộ kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp có hiệu lực thi hành thì chọn và kê khai vào trang tương ứng với nội dung đăng ký thay đổi tại Mục này và kê khai đầy đủ thông tin tại Mục C của Mẫu này.

¹ Trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thay đổi trụ sở của hộ kinh doanh thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh dự định đặt trụ sở mới. Các trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh khác thì ghi tên Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nơi hộ kinh doanh đã đăng ký.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỘ KINH DOANH

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt sau khi thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

.....

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

Tên hộ kinh doanh viết tắt sau khi thay đổi (*nếu có*):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TRỤ SỞ CỦA HỘ KINH DOANH**Trụ sở của hộ kinh doanh sau khi thay đổi:**

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại:..... Fax (nếu có):

Thư điện tử (nếu có):..... Website (nếu có):

☐ Không kinh doanh tại trụ sở (đánh dấu X vào ô này nếu hộ kinh doanh không có địa điểm kinh doanh cố định)

Hộ kinh doanh cam kết trụ sở của hộ kinh doanh thuộc quyền sử dụng hợp pháp của hộ kinh doanh và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật (hộ kinh doanh chỉ cam kết trong trường hợp kinh doanh tại trụ sở).

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI CHỦ HỘ KINH DOANH

Thay đổi chủ hộ kinh doanh do (đánh dấu X vào ô thích hợp):

Thành viên hộ gia đình ủy quyền cho thành viên khác làm chủ hộ kinh doanh

☐

Chủ hộ kinh doanh chết hoặc bị Tòa án tuyên bố đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi

☐
1. Chủ hộ kinh doanh trước khi thay đổi:

Họ và tên (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....

Sinh ngày:...../...../.....

Giới tính:

Số định danh cá nhân (nếu có):.....

Điện thoại (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):.....

Trường hợp không có số định danh cá nhân hoặc việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Đặc khu:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:.....

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Đặc khu:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:.....

2. Chủ hộ kinh doanh sau khi thay đổi:Họ và tên (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):.....

Sinh ngày:...../...../.....

Giới tính:.....

Số định danh cá nhân (*nếu có*):.....Điện thoại (*nếu có*):..... Thư điện tử (*nếu có*):.....

Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Đặc khu:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:.....

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Đặc khu:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:.....

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI THÀNH VIÊN HỘ GIA ĐÌNH
ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Danh sách các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh sau khi thay đổi²:

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

²- Kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 5, 10, không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN KINH DOANHVốn kinh doanh sau khi thay đổi (*bằng số, bằng chữ, VNĐ*):.....

Thời điểm thay đổi vốn:.....

Hình thức tăng, giảm vốn:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH³

1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký bổ sung ngành, nghề kinh doanh vào danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung	Mã ngành ⁴	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp một trong các ngành, nghề kinh doanh được bổ sung là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X vào ô này)

2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký bỏ ngành, nghề kinh doanh khỏi danh sách ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký	Mã ngành ⁵	Ngành, nghề kinh doanh chính (Trường hợp ngành, nghề kinh doanh được bỏ là ngành, nghề kinh doanh chính thì đánh dấu X vào ô này)

³ - Hộ kinh doanh đăng ký thay đổi ngành, nghề kinh doanh trong trường hợp có thay đổi về ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh.

- Đối với ngành, nghề kinh doanh chính, hộ kinh doanh ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam;

- Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

^{4, 5} Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

3. Sửa đổi ngành, nghề kinh doanh chính⁶ (kê khai trong trường hợp hộ kinh doanh chọn một trong các ngành, nghề kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh làm ngành, nghề kinh doanh chính và trong trường hợp đăng ký thay đổi nội dung chi tiết của ngành, nghề kinh doanh chính):

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành

Lưu ý: Trường hợp hộ kinh doanh thay đổi ngành, nghề kinh doanh từ ngành này sang ngành khác, hộ kinh doanh kê khai đồng thời tại Mục 1, 2 nêu trên, cụ thể như sau: kê khai ngành, nghề kinh doanh được bổ sung tại Mục 1; kê khai ngành, nghề kinh doanh được bỏ tại Mục 2.

⁶ Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THUẾ

Đăng ký bổ sung, thay đổi các chỉ tiêu đăng ký thuế như sau:

Chỉ tiêu	Thông tin đăng ký cũ	Thông tin đăng ký mới
- Chỉ tiêu 5.1: Địa chỉ nhận thông báo thuế -.....		

**B. ĐĂNG KÝ CẬP NHẬT, BỔ SUNG, HIỆU ĐÍNH
THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**

Hộ kinh doanh đăng ký cập nhật, bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh như sau:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

C. ĐĂNG KÝ CẤP ĐỔI SANG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Trường hợp hộ kinh doanh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trước ngày Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp có hiệu lực thi hành thực hiện quy định tại Điều 123 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì kê khai thông tin theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký thuế đã được cấp tại Mục này.

1. Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):.....

2. Trụ sở của hộ kinh doanh:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Đặc khu:

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:

Điện thoại:.....Fax (nếu có):.....

Thư điện tử (nếu có): Website (nếu có):.....

3. Ngành, nghề kinh doanh⁷:

STT	Tên ngành	Mã ngành ⁸	Ngành, nghề kinh doanh chính ⁹

4. Vốn kinh doanh:

Tổng số (bằng số, bằng chữ, VNĐ):

⁷ - Hộ kinh doanh có quyền tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm;
- Các ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Điều 6 Luật Đầu tư;
- Đối với những ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, ngành, nghề kinh doanh được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó. Hộ kinh doanh chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.

⁸ Ghi tên ngành và mã ngành cấp bốn trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam đối với ngành, nghề kinh doanh chính. Đối với các ngành, nghề kinh doanh khác, hộ kinh doanh được ghi tự do và không cần ghi mã ngành cấp bốn.

⁹ Đánh dấu X để chọn một trong các ngành, nghề đã kê khai làm ngành, nghề kinh doanh chính.

5. Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
5.1	Địa chỉ nhận thông báo thuế (<i>chỉ kê khai nếu địa chỉ nhận thông báo thuế khác địa chỉ trụ sở</i>): Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn: Xã/Phường/Đặc khu:..... Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:..... Điện thoại (<i>nếu có</i>):..... Fax (<i>nếu có</i>):..... Thư điện tử (<i>nếu có</i>):.....
5.2	Tổng số lao động:.....

6. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh (đánh dấu X vào ô thích hợp):☐

Cá nhân

☐

Các thành viên hộ gia đình

7. Thông tin về các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh⁹:

STT	Họ tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số định danh cá nhân	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Nơi thường trú	Nơi ở hiện tại	Chữ ký
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10

Hộ kinh doanh cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này.

⁹ - Chỉ kê khai trong trường hợp chủ thể thành lập hộ kinh doanh là các thành viên hộ gia đình và kê khai cả thông tin của chủ hộ tại Bảng này;

- Trường hợp chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân thì chỉ kê khai các cột số 1, 2, 3, 4, 5, 10, không phải kê khai các cột số 6, 7, 8, 9 của Bảng này, trừ trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn.

Trường hợp thay đổi danh sách thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh mà chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh kê khai số định danh cá nhân và đồng ý cho Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh khai thác, sử dụng, lưu giữ và cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh và các công tác khác theo quy định thì ghi thêm:

Chủ hộ kinh doanh và các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh cam kết đồng ý cho Cơ quan quản lý nhà nước về đăng ký kinh doanh và Cơ quan đăng ký kinh doanh khai thác, sử dụng, lưu giữ và cung cấp thông tin dữ liệu cá nhân lưu giữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để phục vụ công tác đăng ký hộ kinh doanh và các công tác khác theo quy định.

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký và ghi họ tên)¹⁰

¹⁰ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

Trường hợp thay đổi chủ hộ kinh doanh thì chủ hộ kinh doanh mới ký trực tiếp vào phần này.

TÊN HỘ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn
đã đăng ký của hộ kinh doanh

Kính gửi: *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*.....

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hộ kinh doanh:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trước thời hạn
đã đăng ký như sau:

1. Trường hợp tạm ngừng kinh doanh thì ghi:

Thời gian tạm ngừng kinh doanh: kể từ ngày.../.../... đến hết ngày.../.../....

Lý do tạm ngừng kinh doanh:.....

2. Trường hợp tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký thì ghi:

Thời gian tiếp tục kinh doanh: kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Lý do tiếp tục kinh doanh:.....

Hộ kinh doanh cam kết về tính hợp pháp, chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Giấy đề nghị này.

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

Mẫu số 4

TÊN HỘ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

Hộ kinh doanh cam kết đã thanh toán đầy đủ các khoản nợ, gồm cả nợ thuế và nghĩa vụ tài chính khác/đã đạt được thỏa thuận với các chủ nợ về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính trước khi nộp hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

CHỦ HỘ KINH DOANH/NGƯỜI THỪA KẾ
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh hoặc người thừa kế/người quản lý tài sản của chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này. Trường hợp chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh do chủ hộ kinh doanh là cá nhân thành lập chết thì người thừa kế ký trực tiếp vào phần này.

TÊN HỘ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

Lý do đề nghị cấp lại:

Hộ kinh doanh cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

CHỦ HỘ KINH DOANH
(Ký và ghi họ tên)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

Mẫu số 6

TÊN HỘ KINH DOANH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Tôi là (ghi họ tên bằng chữ in hoa):.....

Sinh ngày:...../...../.....

Giới tính:.....

Số định danh cá nhân (nếu có):.....

Điện thoại (nếu có):..... Thư điện tử (nếu có):.....

Trường hợp việc kết nối giữa Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bị gián đoạn thì đề nghị kê khai thêm các thông tin cá nhân dưới đây:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Đặc khu:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:.....

Nơi ở hiện tại:

Số nhà/phòng, ngách/hẻm, ngõ/kiệt, đường/phố/đại lộ, tổ/xóm/ấp/thôn:.....

Xã/Phường/Đặc khu:.....

Tỉnh/Thành phố trực thuộc Trung ương:.....

Là chủ hộ kinh doanh¹ (Tên hộ kinh doanh)

¹ Trường hợp chủ hộ kinh doanh là người mới được các thành viên hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh ủy quyền làm chủ hộ kinh doanh thì phải kèm theo bản sao văn bản ủy quyền theo quy định tại Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Tôi đề nghị (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã*)..... dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đối với Hồ sơ có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số..... do (*Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã*)..... cấp ngày...../...../..... về việc đăng ký/thông báo..... của..... (*Tên hộ kinh doanh*) – Mã số hộ kinh doanh..... (*nếu có*).

Lý do đề nghị:

Tôi cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh này.

CHỦ HỘ KINH DOANH
(*Ký và ghi họ tên*)¹

¹ Chủ hộ kinh doanh ký trực tiếp vào phần này.

Mẫu số 7

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh:.....

Đăng ký lần đầu, ngày..... tháng..... năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:....., ngày..... tháng..... năm.....

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):.....

Tên hộ kinh doanh viết tắt (*nếu có*):.....

2. Trụ sở của hộ kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành	Ngành, nghề kinh doanh chính

4. Vốn kinh doanh:.....

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh (*ghi một trong các chủ thể sau*): Cá nhân/
 Các thành viên hộ gia đình

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*):.....

Giới tính:

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:.....

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện tại:

7. Danh sách thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh
(chỉ ghi trong trường hợp các thành viên hộ gia đình đăng ký thành lập hộ kinh doanh):

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Nơi ở hiện tại	Nơi thường trú	Số định danh cá nhân	Ghi chú

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 8**CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanhKính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:.....Fax:

Thư điện tử:.....Website:

Căn cứ thông tin do cơ quan thuế cung cấp, *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*
xin thông báo về cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh như sau:

Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp hộ kinh doanh:

Đề nghị hộ kinh doanh liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để kê khai,
nộp thuế theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 9

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

*(Dùng trong trường hợp cấp lại do mất, cháy, rách, nát
hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác)*

(Nội dung cấp lại)

TRƯỞNG PHÒNG¹
(Đã ký)

Ghi chú: Được cấp lại ngày.../.../.....
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

¹ Không có chữ ký, con dấu tại Mục này.

Mẫu số 10

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:.....Fax:

Thư điện tử:.....Website:

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày tháng.....năm
của Ông/Bà:..... là
về việc:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đề nghị những nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong hồ sơ và lý do sửa đổi, bổ sung như sau:

.....

Thời hạn để hộ kinh doanh sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh là 60 ngày kể từ ngày *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* ra Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ. Sau thời hạn nêu trên, nếu hộ kinh doanh không nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung, *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* sẽ hủy hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh theo quy trình trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

Ngày *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* nhận được hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu nói trên được tính là ngày nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 11

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ
 các quy định về hộ kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

Yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về các nội dung sau:

.....

Hộ kinh doanh có trách nhiệm gửi báo cáo tới *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* về các nội dung nêu trên trong thời hạn..... ngày, kể từ ngày ra thông báo này.

Kết thúc thời hạn 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo tại thông báo này, trường hợp *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* không nhận được báo cáo của hộ kinh doanh thì *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo trình tự, thủ tục quy định tại khoản 3 Điều 107 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 12

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi**
Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanhKính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

Căn cứ kết luận/biên bản làm việc số

ngày...../...../..... của

về việc:..... *(nếu có)*;

Căn cứ Thông báo số... ngày.../.../... của *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* về việc yêu cầu hộ kinh doanh báo cáo về việc tuân thủ các quy định về hộ kinh doanh *(nếu có)*;

Căn cứ Thông báo số... ngày.../.../... của *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* về việc yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi thành viên không được quyền thành lập hộ kinh doanh *(nếu có)*;

Căn cứ Thông báo số... ngày.../.../... của *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* về việc hộ kinh doanh ngừng hoạt động kinh doanh tại địa chỉ đăng ký quá 06 tháng mà không thông báo với Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã *(nếu có)*;

Căn cứ văn bản số... ngày.../.../... của... về việc đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh *(trường hợp thực hiện theo đề nghị của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của luật, nếu có)*.

(Ghi cụ thể nội dung vi phạm của hộ kinh doanh tương ứng theo các trường hợp thu hồi theo quy định).

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đăng tải thông báo vi phạm của hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quản lý thuế..... *(xã, phường, đặc khu nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD);*
- Cơ quan có thẩm quyền khác:..... *(nếu có);*
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 13

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)
thông báo chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh sau đây:

Tên hộ kinh doanh:.....

Mã số hộ kinh doanh:.....

Trụ sở của hộ kinh doanh:.....

Điện thoại:..... Thư điện tử (nếu có):.....

Do Ông/Bà (ghi họ tên bằng chữ in hoa):

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện tại:

Điện thoại:..... Thư điện tử:

Là chủ hộ kinh doanh.

Lý do chấm dứt hoạt động:

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh;

-.....;

- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 14

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

TRƯỞNG PHÒNG...

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số..... ngày.../.../..... của (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) về việc vi phạm của hộ kinh doanh thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;

Căn cứ yêu cầu của Tòa án về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (trường hợp thực hiện theo yêu cầu của Tòa án, nếu có);

Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh sau:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Điện thoại:.....Fax:

Thư điện tử:.....Website:

Nội dung phần cuối của Quyết định thu hồi được ghi tương ứng với từng trường hợp như sau:

1. Đối với trường hợp hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh để thực hiện biện pháp cưỡng chế nợ thuế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế:

Điều 2: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày...../...../.....

2. Đối với trường hợp còn lại:

Điều 2: Hộ kinh doanh có trách nhiệm thực hiện thủ tục chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh theo quy định.

Điều 3: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đăng tải quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh kèm theo thông báo hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4: Quyết định này có hiệu lực từ ngày...../...../.....

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh bị thu hồi GCNĐKHKD;
- Cơ quan quản lý thuế... (xã, phường, đặc khu nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD);
-;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 15

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh
của lần đăng ký thay đổi

TRƯỞNG PHÒNG...

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông báo số..... ngày....../....../..... của (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) về việc vi phạm của hộ kinh doanh;

Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của lần đăng ký thay đổi như sau:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Đăng ký thay đổi lần thứ:....., ngày..... tháng..... năm.....

Nơi cấp:

** Trường hợp thực hiện thu hồi theo quyết định của Tòa án thì ghi cụ thể nội dung thu hồi theo quyết định của Tòa án.*

Điều 2. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ của lần thay đổi thứ...../đăng ký lần đầu:

Ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp:

Trụ sở của hộ kinh doanh:

** Trường hợp thực hiện theo quyết định của Tòa án thì ghi cụ thể nội dung theo quyết định của Tòa án.*

Điều 3. (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đăng tải quyết định thu hồi này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh;
- Cơ quan quản lý thuế... (xã, phường, đặc khu nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD);
-;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 16

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy bỏ quyết định thu hồi và khôi phục
Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

TRƯỞNG PHÒNG...

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ..... (nếu có)

Trên cơ sở xác định của *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* về việc hộ kinh doanh không thuộc trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh *(đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 108 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP)*.

Trên cơ sở đề nghị của..... *(tên cơ quan quản lý thuế)* tại Văn bản số.... ngày.... về việc..... *(đối với trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 108 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP)*.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Hủy bỏ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với hộ kinh doanh sau:

Tên hộ kinh doanh *(ghi bằng chữ in hoa)*:

Mã số hộ kinh doanh:

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

Điều 2: *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh nêu tại Điều 1 Quyết định này, đồng thời đăng tải Quyết định này trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh bị thu hồi GCNĐKHKD;
- Cơ quan quản lý thuế... *(xã, phường, đặc khu nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD)*;
-;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 17

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Thư điện tử:..... Website:.....

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà.....

Số định danh cá nhân:.....

Điện thoại:..... Thư điện tử:.....

01 bộ hồ sơ số:..... về việc.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...

Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thông tin đăng ký của hộ kinh doanh sẽ được cập nhật trong Cơ sở dữ liệu về đăng ký hộ kinh doanh/đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Nơi nhận kết quả bản giấy (nếu có):.....

NGƯỜI NỘP
 (Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
 (Ký và ghi họ tên)

Mẫu số 18

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ HẸN TRẢ KẾT QUẢ
Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh qua mạng thông tin điện tử

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

Ngày.../.../... đã nhận của Ông/Bà.....

Số định danh cá nhân:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Thư điện tử:.....

01 bộ hồ sơ đăng ký qua mạng thông tin điện tử mã số:.... về việc.....

Hồ sơ bao gồm:

1.....

2.....

3.....

Thời gian trả kết quả giải quyết hồ sơ: ngày... tháng... năm...¹

Kết quả xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh sẽ được gửi vào địa chỉ thư điện tử và tài khoản truy cập Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh của Ông/Bà.

Nơi nhận kết quả bản giấy (nếu có):.....

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

¹ Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh sau giờ hành chính hoặc vào ngày nghỉ, ngày lễ, Tết theo quy định thì thời hạn trả kết quả theo quy định được tính từ ngày làm việc kế tiếp của ngày hồ sơ được tiếp nhận.

Mẫu số 19

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**Yêu cầu hộ kinh doanh tạm ngừng kinh doanh
ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện**Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

Yêu cầu *(tên hộ kinh doanh)*:..... tạm ngừng kinh doanh

ngành, nghề.....

Lý do đề nghị tạm ngừng kinh doanh:.....

Hộ kinh doanh chỉ được tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nêu trên khi đáp ứng đủ các điều kiện đầu tư kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;

-....*(Cơ quan quản lý chuyên ngành)*;

-.....;

- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 20

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

GIẤY XÁC NHẬN
**Về việc hộ kinh doanh đăng ký tạm ngừng kinh doanh/
tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký**

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:.....Fax:

Thư điện tử:.....Website:

Xác nhận:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Mã số hộ kinh doanh:

1. Trường hợp đăng ký tạm ngừng kinh doanh thì ghi:

Đăng ký tạm ngừng kinh doanh kể từ ngày.... tháng.... năm..... đến hết ngày.... tháng.... năm.....

Lý do tạm ngừng kinh doanh:.....

2. Trường hợp đăng ký tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký thì ghi:

Đăng ký tiếp tục kinh doanh kể từ ngày... tháng... năm...

Lý do tiếp tục kinh doanh:

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh;

-.....;

- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 21

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh không có hiệu lực**Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

Căn cứ:

- Kết luận/biên bản làm việc;

-

Nội dung của Thông báo được ghi tương ứng với từng loại như sau:

1. Đối với trường hợp thuộc điểm a khoản 2 Điều 109 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì ghi:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Mã số hộ kinh doanh..... cấp ngày.../.../..... tại *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)*) là không có hiệu lực do được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) yêu cầu hộ kinh doanh nộp hồ sơ mới thay cho hồ sơ đăng ký thành lập kê khai không trung thực, không chính xác theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

2. Đối với trường hợp thuộc điểm b khoản 2 Điều 109 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP thì ghi:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (Mã số hộ kinh doanh..... cấp ngày.../.../..... tại (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)) là không có hiệu lực do được cấp trên cơ sở hồ sơ đăng ký có thông tin kê khai không trung thực, không chính xác. Đồng thời, (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) sẽ thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trên cơ sở hồ sơ hợp lệ liên kế trước của hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác.

Hộ kinh doanh có thể nộp hồ sơ mới để được xem xét cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh. Hộ kinh doanh có thể gộp các nội dung thay đổi hợp pháp của các lần đăng ký thay đổi liên kế sau hồ sơ kê khai không trung thực, không chính xác trong một bộ hồ sơ để được cấp một lần đăng ký thay đổi mới.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ quan quản lý thuế.....(xã, phường, đặc khu nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD);
- Cơ quan có thẩm quyền khác:..... (nếu có);
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 22

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi thành viên không được quyền
thành lập hộ kinh doanh**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

Căn cứ:

- Kết luận/biên bản làm việc ;

-

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) yêu cầu hộ kinh doanh đăng ký thay đổi thành viên không được quyền thành lập hộ kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ra thông báo. Nếu quá thời hạn trên mà hộ kinh doanh không đăng ký thay đổi thì *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* sẽ ra thông báo về hành vi vi phạm và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 107 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 23

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**Về việc xử lý hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh hoặc ra thông báo, quyết định
không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục**

Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

Căn cứ:

- Kết luận/biên bản làm việc về việc;

-

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo về việc xử lý hồ sơ đăng ký
hộ kinh doanh/ra thông báo, quyết định không đúng quy định về hồ sơ, trình tự, thủ
tục theo quy định đối với *(tên hộ kinh doanh, mã số hộ kinh doanh)* như sau:.....

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) sẽ thực hiện lại việc xử lý hồ sơ đăng ký
hộ kinh doanh/ra thông báo, quyết định nêu trên theo đúng quy định về hồ sơ, trình
tự, thủ tục.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 24

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

Căn cứ Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số.... ngày.... tháng.... năm.... về việc hủy bỏ Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo về việc khôi phục Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh như sau:

Tên hộ kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):.....

Mã số hộ kinh doanh:.....

Trụ sở của hộ kinh doanh:.....

Điện thoại:..... Thư điện tử (nếu có):.....

Nơi nhận:

- Tên, trụ sở của hộ kinh doanh;
- Cơ quan quản lý thuế..... (xã, phường, đặc khu nơi hộ kinh doanh đăng ký trụ sở của HKD);
- (Tên các Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....;
-;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 25

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc hiệu đính nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh**Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:.....Website:

Sau khi xem xét lại hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh của Ông/Bà:..... là chủ hộ kinh doanh, *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* phát hiện nội dung trong Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh chưa chính xác so với nội dung hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi Thông báo này, *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* sẽ tiến hành cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh thay thế cho giấy tờ đã cấp có nội dung chưa chính xác so với nội dung trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh.

Nơi nhận:

- Như trên;

-.....;

- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Mẫu số 26

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc dừng/từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh**Kính gửi: *(Đối với hồ sơ thành lập mới hộ kinh doanh)*

Ông/Bà:.....

Số định danh cá nhân:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

(Đối với các trường hợp còn lại)

Tên hộ kinh doanh:.....

Trụ sở của hộ kinh doanh:.....

Mã số hộ kinh doanh:.....

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

Sau khi xem xét Giấy đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đã nhận ngày... tháng... năm... của Ông/Bà:... đối với Hồ sơ có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả số... do *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* cấp ngày.../.../... về việc đăng ký/thông báo... của... *(Tên hộ kinh doanh)* - Mã số hộ kinh doanh..... *(nếu có)*.

Nếu chấp thuận đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì ghi:
(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo đã dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đối với Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nêu trên và hủy Hồ sơ trên Hệ thống thông tin về đăng ký hộ kinh doanh.

Nếu từ chối đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh thì ghi: (Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo từ chối dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh đối với Hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nêu trên và lý do từ chối như sau:.....

Nơi nhận:

- Như trên;
-;
- Lưu:.....

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 27

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc hộ kinh doanh đang làm thủ tục
chấm dứt hoạt động

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) thông báo hộ kinh doanh sau đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động:

Đối với hộ kinh doanh thì ghi:

Tên hộ kinh doanh:.....

Mã số hộ kinh doanh:.....

Trụ sở của hộ kinh doanh:.....

Điện thoại:..... Thư điện tử (nếu có):.....

Do Ông/Bà *(ghi họ tên bằng chữ in hoa)*:

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:

Nơi ở hiện tại:

Điện thoại:..... Thư điện tử:

Là chủ hộ kinh doanh.

Lý do chấm dứt hoạt động:

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã) đăng tải thông báo hộ kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 28

CƠ QUAN ĐĂNG KÝ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CẤP XÃ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc rà soát thông tin đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh**Kính gửi: *(Tên hộ kinh doanh)*

Trụ sở của hộ kinh doanh:

Mã số hộ kinh doanh:

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 114 Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp,

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của hộ kinh doanh về sự đầy đủ và chính xác của các thông tin đăng ký hộ kinh doanh,

(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã).....

Địa chỉ trụ sở:.....

Điện thoại:..... Fax:

Thư điện tử:..... Website:

Đề nghị hộ kinh doanh rà soát, đối chiếu thông tin đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh như sau:

- | |
|---|
| - Tên hộ kinh doanh:..... |
| - Mã số hộ kinh doanh:..... |
| - Trụ sở của hộ kinh doanh:..... |
| - Điện thoại:..... |
| - Chủ hộ kinh doanh:..... |
| + Họ và tên:..... Ngày sinh:..... |
| + Giới tính:..... Dân tộc:..... Quốc tịch:..... |
| + Số căn cước công dân/Chứng minh nhân dân:..... Ngày cấp:..... Nơi cấp:..... |
| + Địa chỉ thường trú:..... |
| + Địa chỉ liên lạc:..... |

Sau khi rà soát, trong trường hợp thông tin đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh tại thông báo bị thiếu hoặc chưa chính xác so với bản giấy của Giấy chứng

nhận đăng ký hộ kinh doanh, đề nghị hộ kinh doanh gửi giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh theo mẫu quy định tại Mẫu số 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 68/2025/TT-BTC đến *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ra Thông báo này.

Trường hợp quá thời hạn 90 ngày mà hộ kinh doanh không có phản hồi tới *(Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã)* thì được hiểu là hộ kinh doanh đã đồng ý xác nhận các thông tin đăng ký hộ kinh doanh của hộ kinh doanh tại Thông báo này là đầy đủ, chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực và chính xác của các thông tin này.

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III
DANH MỤC CHỮ CÁI VÀ KÝ HIỆU SỬ DỤNG TRONG ĐẶT TÊN
DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH/ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC
CỦA DOANH NGHIỆP/HỘ KINH DOANH
(Kèm theo Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Danh mục chữ cái

Chữ in hoa	Chữ in thường	Chữ in hoa	Chữ in thường
A	a	N	n
Ă	ă	O	o
Â	â	Ơ	ơ
B	b	Ô	ô
C	c	P	p
D	d	Q	q
Đ	đ	R	r
E	e	S	s
Ê	ê	T	t
F	f	U	u
G	g	Ư	ư
H	h	V	v
I	i	W	w
J	j	X	x
K	k	Y	y
L	l	Z	z
M	m		

2. Danh mục ký hiệu

%	&	,
(	)	.
-	+	:
\	/	;
“	”	‘
,	*	

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72/2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày 02 tháng 7 năm 2025

THÔNG TƯ

**Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải
và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải**

Căn cứ Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Chương I
PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chế độ quản lý, tính hao mòn đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là tài sản cố định và hướng dẫn việc kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do Nhà nước đầu tư, quản lý.

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với các trường hợp:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (sau đây gọi là Nghị định số 84/2025/NĐ-CP).

b) Xác định tuổi thọ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để thực hiện dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo, mở rộng, bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

c) Xác định giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để: Cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải.
2. Cơ quan quản lý hàng hải, gồm: Cơ quan quản lý hàng hải ở trung ương, cơ quan quản lý hàng hải ở địa phương quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.
3. Cơ quan được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là cơ quan quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản ở trung ương), điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP (sau đây gọi là cơ quan quản lý tài sản ở địa phương).
4. Các đối tượng khác liên quan đến việc quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải và kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Chương II QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 3. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định nguyên giá, giá trị còn lại, tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này gồm:

1. Bến cảng, bến phao.
2. Trụ sở, cơ sở dịch vụ, kho, bãi, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác trong khu vực bến cảng.
3. Hệ thống thông tin giao thông, thông tin liên lạc và hệ thống điện, nước trong khu vực bến cảng.
4. Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS).
5. Đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ.
6. Luồng hàng hải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch.
7. Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển.
8. Các tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khác.

Điều 4. Tiêu chuẩn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải xác định là tài sản cố định

1. Xác định tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải:

a) Tài sản sử dụng độc lập được xác định là một tài sản.

b) Một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà nếu thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được thì hệ thống đó được xác định là một tài sản.

c) Trường hợp một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan quản lý tài sản thì phần tài sản được giao cho từng cơ quan quản lý là một tài sản.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 1 Điều này được xác định là tài sản cố định khi thỏa mãn đồng thời 02 tiêu chuẩn sau đây:

a) Có thời gian sử dụng từ 01 (một) năm trở lên.

b) Có nguyên giá từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

Điều 5. Nguyên tắc quản lý và trách nhiệm của cơ quan quản lý tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này phải được lập hồ sơ tài sản để quản lý chặt chẽ về hiện vật và giá trị theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan. Các chỉ tiêu về nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải xác định là tài sản cố định là số nguyên; trường hợp kết quả xác định các chỉ tiêu này là số thập phân thì được làm tròn theo quy định tại pháp luật về kế toán.

2. Mỗi một tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại Điều 4 Thông tư này là một đối tượng ghi sổ kế toán. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phải phản ánh, ghi chép đầy đủ thông tin về nguyên giá, hao mòn, giá trị còn lại của tài sản.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải không còn nhu cầu sử dụng nhưng chưa tính đủ hao mòn theo quy định thì cơ quan quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này cho đến khi được xử lý theo quy định.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã tính đủ hao mòn nhưng vẫn tiếp tục sử dụng được thì cơ quan quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, sử dụng, theo dõi, bảo quản tài sản theo quy định hiện hành và không phải tính hao mòn.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã tính đủ hao mòn nhưng sau đó thuộc trường hợp thay đổi nguyên giá theo quy định tại Điều 7 Thông tư này thì phải tính hao mòn theo quy định cho thời gian sử dụng còn lại (nếu có) sau khi thay đổi nguyên giá.

5. Trường hợp cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì cơ quan quản lý tài sản tiếp tục thực hiện quản lý, theo dõi và tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này trong thời gian cho thuê quyền khai thác tài sản.

6. Trường hợp chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì trong thời gian chuyển nhượng, cơ quan quản lý tài sản (bên chuyển nhượng):

a) Có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

b) Không thực hiện tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này và phải tiếp tục theo dõi nguyên giá tài sản đã hạch toán tại thời điểm chuyển nhượng trên sổ kế toán và trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

c) Khi hết thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (bao gồm cả trường hợp chấm dứt hợp đồng trước hạn), cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản theo hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản và quy định của pháp luật; xác định lại nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 6, Điều 12 Thông tư này để thực hiện quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

7. Trường hợp sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có để tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư thì trong thời gian bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án, cơ quan quản lý tài sản:

a) Có trách nhiệm theo dõi, báo cáo phần tài sản được sử dụng để tham gia dự án trong quá trình giao cho nhà đầu tư thực hiện dự án.

b) Không thực hiện tính hao mòn tài sản theo quy định tại Thông tư này và phải tiếp tục theo dõi nguyên giá tài sản đã hạch toán tại thời điểm bàn giao tài sản cho nhà đầu tư thực hiện dự án và trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán hiện hành.

c) Khi nhà đầu tư chuyển giao tài sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản theo quy định, xác định lại giá trị còn lại của tài sản theo quy định tại khoản 6 Điều 6, Điều 12 Thông tư này để thực hiện quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Thông tư này.

8. Cơ quan quản lý tài sản, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 4 Điều 2 Thông tư này có trách nhiệm:

a) Thực hiện kế toán đối với toàn bộ tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao quản lý theo quy định của chế độ kế toán hiện hành; thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định của pháp luật; bảo đảm số liệu tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải của đơn vị trên sổ kế toán phải phù hợp với số liệu báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải. Trường hợp khác với số liệu báo cáo trên hệ thống cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì phải chuẩn xác số liệu để cập nhật cho phù hợp.

b) Thực hiện kiểm kê tài sản định kỳ hằng năm; thực hiện tổng kiểm kê tài sản theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán nếu có chênh lệch phát sinh khi thực hiện kiểm kê nhằm đảm bảo số liệu trên sổ kế toán và số liệu thực tế của tài sản cố định khớp đúng.

c) Thực hiện báo cáo kê khai, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và quy định tại Thông tư này.

Chương III **NGUYÊN GIÁ, HAO MÒN, GIÁ TRỊ CÒN LẠI** **CỦA TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI**

Điều 6. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ mua sắm, đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Nguyên} \\ \text{giá tài sản} \\ \text{kết cấu hạ} \\ \text{tầng hàng} \\ \text{hải do mua} \\ \text{sắm} \end{array} = \left(\begin{array}{l} \text{Giá} \\ \text{trị ghi} \\ \text{trên} \\ \text{hóa} \\ \text{đơn} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản chiết} \\ \text{khấu thương mại} \\ \text{hoặc giảm giá} \\ \text{hoặc phạt người} \\ \text{bán (nếu có)} \end{array} \right) + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc} \\ \text{dỡ, chi phí sửa} \\ \text{chữa, cải tạo,} \\ \text{nâng cấp, chi} \\ \text{phí lắp đặt,} \\ \text{chạy thử} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế (không} \\ \text{bao gồm các khoản} \\ \text{thuế được khấu trừ,} \\ \text{hoàn lại); các khoản} \\ \text{phí, lệ phí theo quy} \\ \text{định của pháp luật về} \\ \text{phí và lệ phí (nếu có)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{khác} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

a) Các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán (nếu có) được trừ vào giá trị ghi trên hóa đơn chỉ được áp dụng trong trường hợp giá trị ghi trên hóa đơn bao gồm cả các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hoặc phạt người bán.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải mà cơ quan đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị ghi trên hóa đơn của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phát sinh chi phí chung...).

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hình thành từ đầu tư xây dựng mới, được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, nguyên giá được xác định là giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. Một số trường hợp đặc biệt được thực hiện như sau:

a) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng (do đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng) nhưng chưa có quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan quản lý tài sản thực hiện ghi sổ kế toán tài sản kể từ ngày bàn giao đưa tài sản vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính. Nguyên giá tạm tính trong trường hợp này được lựa chọn theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Giá trị thẩm tra quyết toán.
- Giá trị đề nghị phê duyệt quyết toán.
- Tổng giá trị của các Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng tương ứng với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đó giữa chủ đầu tư và nhà thầu (Quyết toán A-B).
- Giá trị tổng mức đầu tư được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất;
- Giá trị dự toán được phê duyệt hoặc điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

Khi được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán, cơ quan quản lý tài sản thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tạm tính theo giá trị quyết toán được phê duyệt để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện kế toán tài sản theo quy định.

b) Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau nhưng không dự toán riêng, không quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng, dự toán chi tiết,...).

Trường hợp dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau, có dự toán riêng nhưng không quyết toán riêng cho từng hạng mục, tài sản thì thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo tỷ lệ tại dự toán chi tiết đối với từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán.

c) Đối với dự án bao gồm nhiều hạng mục, tài sản (nhiều đối tượng ghi sổ kế toán tài sản) khác nhau mà được đầu tư, nghiệm thu theo từng hạng mục, tài sản thì hạng mục, tài sản nào đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng, nghiệm thu đưa vào sử dụng phải ghi sổ kế toán đối với hạng mục, tài sản đó kể từ ngày bàn giao đưa vào sử dụng. Nguyên giá ghi sổ kế toán là nguyên giá tạm tính theo quy định tại điểm a khoản này.

Khi quyết toán dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì cơ quan quản lý tài sản thực hiện phân bổ giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt cho từng hạng mục, tài sản để ghi sổ kế toán, điều chỉnh sổ kế toán (đối với hạng mục, tài sản đã ghi sổ kế toán) theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng, dự toán chi tiết,...).

d) Trường hợp giá trị quyết toán của dự án phải điều chỉnh theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền sau khi được thanh tra, kiểm toán thì cơ quan quản lý tài sản phải thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá theo kiến nghị, kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

đ) Trường hợp trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản khác (không thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại Điều 3 Thông tư này) thì phải loại trừ phần giá trị đầu tư vào tài sản khác trong giá trị quyết toán của dự án khi xác định nguyên giá tài sản.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận theo quyết định giao, quyết định điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này) thì nguyên giá được xác định theo công thức sau:

Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao, điều chuyển	=	Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản	+	Chi phí vận chuyển, bốc dỡ, chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, chi phí lắp đặt, chạy thử	+	Các khoản phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí (nếu có)	+	Chi phí khác (nếu có)
---	---	--	---	--	---	---	---	-----------------------------------

Trong đó:

a) Nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định như sau:

a1) Đối với tài sản đã được theo dõi, ghi sổ kế toán, nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản là nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được theo dõi, ghi sổ kế toán của cơ quan có tài sản giao, điều chuyển.

Trường hợp tài sản chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì trước khi trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao, điều chuyển tài sản, cơ quan có tài sản có trách nhiệm đánh giá lại giá trị tài sản, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản. Trong đó:

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển (là tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đang giao cho cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý) chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

- Trường hợp tài sản giao, nhận điều chuyển do các đối tượng không phải là cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này quản lý thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đến việc đánh giá lại giá trị tài sản của các đối tượng đó. Trường hợp pháp luật có liên quan chưa có quy định thì việc đánh giá lại giá trị tài sản thực hiện theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này.

a2) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán nhưng có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

a3) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng thì nguyên giá để ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản được xác định theo công thức sau:

Nguyên giá ghi trên
Biên bản bàn giao,
tiếp nhận tài sản = Giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây
dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương
đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng

Trong đó:

- Giá mua mới của tài sản cùng loại áp dụng đối với tài sản không phải là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc là giá của tài sản mới cùng loại được bán trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

- Giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương áp dụng đối với tài sản là nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc (bao gồm cả nhà, công trình xây dựng, vật kiến trúc được hình thành thông qua mua sắm) được xác định theo công thức sau:

Giá xây dựng mới của tài sản	=	Đơn giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Bộ quản lý chuyên ngành ban hành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) áp dụng tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng	x	Diện tích, thể tích xây dựng/Số lượng/tiêu chí khác (nếu có) của tài sản	+	Giá trị của các kết cấu khác gắn với công trình/hạng mục công trình (như: trần, sàn/tiêu chí khác (nếu có)) xác định theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành (hoặc theo quy định cụ thể của địa phương nơi có tài sản) tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng
--	---	--	---	--	---	---

a4) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán và không có hồ sơ để xác định giá mua hoặc giá xây dựng theo quy định tại điểm a2 khoản này, không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa vào sử dụng theo quy định tại điểm a3 khoản này thì sử dụng giá quy ước do cơ quan, người có thẩm quyền quyết định để làm nguyên giá tài sản.

a5) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán mà không có căn cứ để xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại các điểm a2, a3 và a4 khoản này thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá để xác định giá trị tài sản làm căn cứ xác định nguyên giá ghi trên Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản.

b) Chi phí khác (nếu có) là các chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao, được điều chuyển mà cơ quan tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản vào sử dụng. Trường hợp phát sinh chi phí chung cho nhiều tài sản kết cấu hạ tầng

hàng hải thì thực hiện phân bổ chi phí cho từng tài sản theo tiêu chí cho phù hợp (như: số lượng/khối lượng/chiều dài/diện tích/giá trị tài sản phát sinh chi phí chung/tiêu chí khác (nếu có)).

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có giao cho cơ quan quản lý tài sản theo quy định tại Chương II Nghị định số 84/2025/NĐ-CP mà giá trị tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì sau khi tiếp nhận, cơ quan quản lý tài sản phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị đang quản lý/tạm quản lý tài sản trước khi giao (Bên giao) căn cứ nguồn gốc hình thành tài sản, các hồ sơ có liên quan để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định tương ứng tại các điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 9 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP, khoản 1, khoản 2 Điều này và khoản 2 Điều 15 Thông tư này.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong quá trình sử dụng thực hiện kiểm kê phát hiện thừa thì tùy theo nguồn gốc và thời điểm đưa vào sử dụng, nguyên giá của tài sản được xác định tương ứng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này.

5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản sau khi hết thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại điểm c khoản 6 Điều 5 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định lại bằng (=) nguyên giá đã hạch toán tại thời điểm chuyển nhượng theo Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản cộng (+) giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả việc bù trừ phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ (nếu có)); trong đó phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được xác định tương tự quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải do cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận lại tài sản sau khi hết thời gian tham gia dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định tại điểm c khoản 7 Điều 5 Thông tư này thì nguyên giá tài sản là giá trị tài sản được đầu tư theo phương thức đối tác công tư theo quy định của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, cơ quan quản lý tài sản thực hiện thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại của tài sản trong trường hợp không phải xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 7. Các trường hợp thay đổi (điều chỉnh) nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Đánh giá lại giá trị tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khi thực hiện kiểm kê theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt (bao gồm cả trường hợp dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có và trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là cơ quan quản lý tài sản).

3. Tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (trong trường hợp giá trị bộ phận tài sản tháo dỡ đang được hạch toán chung trong nguyên giá tài sản), trừ trường hợp việc tháo dỡ để thay thế khi bảo trì công trình.

4. Lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải, trừ trường hợp lắp đặt để thay thế khi bảo trì công trình.

5. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác (trừ trường hợp tài sản được khắc phục sự cố theo quy định của pháp luật về bảo trì hàng hải hoặc được khôi phục lại thông qua bảo hiểm, bồi thường thiệt hại của tổ chức, cá nhân có liên quan).

Điều 8. Xác định nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp thay đổi nguyên giá tài sản

Khi phát sinh việc thay đổi nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong các trường hợp quy định tại Điều 7 Thông tư này, cơ quan quản lý tài sản thực hiện lập Biên bản ghi rõ lý do (trường hợp) thay đổi nguyên giá; đồng thời xác định lại chỉ tiêu nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải làm cơ sở xác định mức hao mòn, giá trị còn lại của tài sản để điều chỉnh sổ kế toán và thực hiện việc quản lý, tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này.

Việc xác định lại nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đối với các trường hợp thay đổi nguyên giá quy định tại Điều 7 Thông tư này thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định lại theo hướng dẫn của cơ quan, người có thẩm quyền về kiểm kê, đánh giá lại tài sản.

2. Đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó, phần giá trị tăng thêm do nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt được xác định tương tự quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này.

Trường hợp dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt để đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản khác nhưng trong dự án có nội dung đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có và trường hợp chủ đầu tư dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản không phải là cơ quan quản lý tài sản thì phần giá trị tăng thêm do nâng cấp, cải tạo, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là phần giá trị đầu tư vào tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong giá trị quyết toán của dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với trường hợp tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán trừ (-) phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ cộng (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc tháo dỡ mà cơ quan quản lý tài sản đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc tháo dỡ, trừ việc tháo dỡ một hay một số bộ phận tài sản để thay thế thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Trong đó, phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ được xác định như sau:

a) Trường hợp có hồ sơ xác định giá mua, giá trị quyết toán/giá trị dự toán của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ thì phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ được xác định theo giá mua, giá trị quyết toán/giá trị dự toán của bộ phận tài sản tháo dỡ.

b) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này nhưng phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho bộ phận tài sản tháo dỡ theo tiêu chí phù hợp (như: số lượng, khối lượng, giá mua, dự toán...) thì phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ được xác định theo giá trị phân bổ.

c) Trường hợp không có hồ sơ quy định tại điểm a khoản này và không phân bổ được nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải cho bộ phận tài sản tháo

dỡ quy định tại điểm b khoản này thì xác định phần giá trị của bộ phận tài sản tháo dỡ là giá mua mới của bộ phận tài sản đó trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng.

Trường hợp không xác định được giá mua mới của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ trên thị trường tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá theo quy định của pháp luật về giá để xác định phần giá trị của bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải tháo dỡ làm căn cứ xác định nguyên giá tài sản sau khi tháo dỡ.

4. Đối với trường hợp lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 4 Điều 7 Thông tư này thì nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định lại bằng (=) nguyên giá đang hạch toán cộng (+) phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (+) chi phí hợp lý liên quan trực tiếp đến việc lắp đặt mà cơ quan quản lý tài sản đã chi ra tính đến thời điểm hoàn thành việc lắp đặt, trừ việc lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản để thực hiện bảo trì công trình thuộc tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Trong đó, phần giá trị tăng thêm do lắp đặt thêm một hay một số bộ phận tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải là giá trị tương ứng của bộ phận tài sản được lắp đặt thêm xác định theo các trường hợp tương ứng quy định tại Điều 6 Thông tư này.

5. Đối với trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này thì cơ quan quản lý tài sản thuê doanh nghiệp thẩm định giá để đánh giá lại giá trị còn lại, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản phù hợp với quy định tại Điều 10 Thông tư này đối với tài sản bị thiệt hại để ghi trên Biên bản xác định việc thay đổi nguyên giá. Nguyên giá tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong trường hợp này được xác định như sau:

$$\begin{array}{c} \text{Nguyên giá tài} \\ \text{sản kết cấu hạ} \\ \text{tầng hàng hải} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Giá trị còn lại} \\ \text{của tài sản theo} \\ \text{đánh giá lại} \end{array} \times \frac{\begin{array}{c} \text{Thời gian tính hao mòn của tài sản} \\ \text{theo quy định tại Điều 10 Thông tư này (năm)} \end{array}}{\begin{array}{c} \text{Thời gian tính hao mòn còn lại} \\ \text{của tài sản theo đánh giá lại (năm)} \end{array}}$$

Điều 9. Nguyên tắc tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải xác định là tài sản cố định quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư này được giao cho cơ quan quản lý tài sản phải tính hao mòn theo quy định tại Thông tư này, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Cơ quan quản lý tài sản không phải tính hao mòn đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải chưa tính hết hao mòn nhưng đã bị hư hỏng không thể sửa chữa để sử dụng được.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã tính đủ hao mòn nhưng vẫn còn sử dụng được.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong thời gian chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

d) Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải trong thời gian tham gia dự án theo phương thức đối tác công tư.

3. Việc tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải thực hiện mỗi năm một lần vào ngày 31 tháng 12, trước khi khóa sổ kế toán.

Điều 10. Danh mục tài sản, thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Danh mục tài sản, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải (trừ thời gian tính hao mòn tài sản đối với các trường hợp quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này) như sau:

STT	Danh mục các loại tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Thời gian sử dụng để tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
1	Bến cảng	50	2
2	Bến phao	20	5
3	Trụ sở, cơ sở dịch vụ, nhà xưởng và các công trình phụ trợ khác trong khu vực bến cảng		
	- Cấp I	80	1,25
	- Cấp II	50	2
	- Cấp III	25	4
	- Cấp IV	15	6,67
4	Kho, bãi	25	4
5	Hệ thống thông tin giao thông, thông tin liên lạc và hệ thống điện, nước trong khu vực bến cảng	10	10

STT	Danh mục các loại tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải	Thời gian sử dụng để tính hao mòn (năm)	Tỷ lệ hao mòn (% năm)
6	Nhà trạm, vật kiến trúc (Nhà điều hành, công trình xây dựng) phục vụ trực tiếp cho hoạt động hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (VTS)		
	- Cấp I	80	1,25
	- Cấp II	50	2
	- Cấp III	25	4
	- Cấp IV	15	6,67
7	Đê chắn sóng, đê chắn cát, kè hướng dòng, kè bảo vệ bờ		
	- Cấp I	80	1,25
	- Cấp II	50	2
	- Cấp III	25	4
	- Cấp IV	15	6,67
8	Luồng hàng hải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch	50	2
9	Khu chuyển tải, khu neo đậu, khu tránh, trú bão trong vùng nước cảng biển	50	2
10	Các tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khác	10	10

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được sử dụng ở địa bàn có điều kiện thời tiết, điều kiện môi trường ảnh hưởng đến mức hao mòn của tài sản, trường hợp cần thiết phải quy định thời gian sử dụng để tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định khác so với quy định tại Điều 10 Thông tư này thì Bộ trưởng Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể. Việc điều chỉnh tỷ lệ hao mòn tài sản bảo đảm tăng, giảm không vượt quá 20% tỷ lệ hao mòn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có thay đổi nguyên giá thuộc trường hợp thực hiện đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản cố định theo dự án được cơ quan,

người có thẩm quyền phê duyệt quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này thì thời gian tính hao mòn tài sản bằng (=) thời gian đã tính hao mòn của tài sản trước khi thay đổi nguyên giá cộng (+) thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, mở rộng. Trong đó, thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, mở rộng được xác định theo công thức sau:

$$\text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản sau khi nâng cấp, mở rộng} = \left[\begin{array}{l} \text{Nguyên giá của tài sản sau khi thay đổi} \\ \text{Số hao mòn lũy kế của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 của năm thay đổi nguyên giá} \end{array} \right] : \begin{array}{l} \text{Mức hao mòn hàng năm của tài sản từ năm thay đổi nguyên giá xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư này} \end{array}$$

4. Đối với tài sản có thay đổi nguyên giá thuộc trường hợp bị mất một phần hoặc hư hỏng nghiêm trọng do thiên tai, sự cố bất khả kháng hoặc những tác động đột xuất khác quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này thì thời gian tính hao mòn tài sản bằng (=) thời gian đã tính hao mòn của tài sản trước khi thay đổi nguyên giá cộng (+) thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản theo đánh giá lại.

5. Đối với tài sản có điều chỉnh, thay đổi nguyên giá theo quy định tại điểm a, điểm d khoản 2 Điều 6 và khoản 3, khoản 4 Điều 7 Thông tư này:

a) Trường hợp năm điều chỉnh, thay đổi nguyên giá chưa hết thời gian tính hao mòn của tài sản theo quy định thì thời gian tính hao mòn của tài sản sau khi được điều chỉnh được tính đến năm mà giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 của năm trước liền kề nhỏ hơn hoặc bằng mức hao mòn hàng năm của tài sản.

b) Trường hợp năm điều chỉnh, thay đổi nguyên giá đã hết thời gian tính hao mòn của tài sản theo quy định thì cộng thêm 01 năm vào thời gian tính hao mòn (năm phát sinh việc điều chỉnh, thay đổi nguyên giá) để xử lý phần giá trị tăng, giảm do điều chỉnh, thay đổi nguyên giá.

Điều 11. Phương pháp tính hao mòn của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

1. Mức hao mòn hàng năm của từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được tính theo công thức:

$$\text{Mức hao mòn hàng năm của tài sản} = \text{Nguyên giá của tài sản} \times \text{Tỷ lệ hao mòn (\% năm)}$$

Trong đó:

a) Nguyên giá của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Thông tư này.

b) Tỷ lệ hao mòn được xác định theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được giao, nhận điều chuyển quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán, tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải khi thực hiện kiểm kê phát hiện thừa theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này thì mức hao mòn hàng năm của tài sản kể từ sau năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan quản lý tài sản được xác định theo công thức quy định tại khoản 1 Điều này.

Riêng năm đầu tiên ghi sổ kế toán tại cơ quan quản lý tài sản (năm cơ quan quản lý tài sản tiếp nhận tài sản/năm thực hiện kiểm kê phát hiện thừa) thì mức hao mòn của tài sản được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức hao} \\ \text{mòn của năm} \\ \text{đầu tiên ghi} \\ \text{sổ kế toán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Mức hao mòn} \\ \text{hàng năm của tài} \\ \text{sản xác định theo} \\ \text{công thức quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều này} \end{array} \times \left(\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao} \\ \text{mòn của tài sản} \\ \text{cùng loại theo quy} \\ \text{định tại khoản 1} \\ \text{Điều 10 Thông tư} \\ \text{này (năm)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn} \\ \text{còn lại của tài sản theo} \\ \text{quy định hoặc thời gian} \\ \text{tính hao mòn còn lại} \\ \text{của tài sản theo đánh} \\ \text{giá lại (năm)} \end{array} \right)$$

3. Số hao mòn lũy kế của từng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được tính theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy} \\ \text{kế tính đến ngày} \\ \text{31 tháng 12} \\ \text{năm (n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy} \\ \text{kế tính đến ngày} \\ \text{31 tháng 12} \\ \text{năm (n-1)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số hao mòn} \\ \text{tài sản tăng} \\ \text{trong năm (n)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn} \\ \text{tài sản giảm} \\ \text{trong năm (n)} \end{array}$$

4. Số hao mòn tài sản cho năm cuối cùng của thời gian tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn lũy kế của tài sản đó xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 12. Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Giá trị còn lại của tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải để ghi sổ kế toán được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị còn lại của tài sản tính} \\ \text{đến ngày 31 tháng 12 năm (n)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá} \\ \text{của tài sản} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Số hao mòn lũy kế đến} \\ \text{ngày 31 tháng 12 năm (n)} \end{array}$$

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải được xác định, đánh giá lại giá trị tài sản quy định tại khoản 6 Điều 6, khoản 5 Điều 8 Thông tư này thì giá trị đánh giá lại là giá trị còn lại của tài sản.

Chương IV

KÊ KHAI, BÁO CÁO VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI

Điều 13. Mẫu báo cáo kê khai lần đầu và báo cáo kê khai bổ sung tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Mẫu báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Báo cáo kê khai lần đầu theo Mẫu số 01A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng đối với:

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có tại thời điểm Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (bao gồm cả tài sản đã báo cáo kê khai lần đầu theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải);

Tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải phát sinh kể từ ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.

2. Báo cáo kê khai bổ sung theo Mẫu số 01B, Mẫu số 01C quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này áp dụng trong trường hợp có thay đổi thông tin về cơ quan quản lý tài sản hoặc thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã báo cáo kê khai lần đầu.

Điều 14. Mẫu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Mẫu báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP được quy định như sau:

1. Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo từng phương thức quy định tại các Điều 13, 14 và 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP theo Mẫu số 01D quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo Mẫu số 02A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo Mẫu số 02B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương V ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có trước ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đã xác định giá trị để ghi sổ kế toán theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính thì sử dụng giá trị đã xác định để ghi sổ kế toán.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải hiện có trước ngày Nghị định số 84/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành nhưng chưa xác định giá trị để ghi sổ kế toán, chưa tính hao mòn cho các năm đã sử dụng tài sản theo quy định tại Nghị định số 43/2018/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính thì việc xác định giá trị tài sản, tính hao mòn lũy kế cho các năm đã sử dụng tài sản thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải đã được theo dõi trên sổ kế toán của cơ quan quản lý tài sản trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, có thời gian để tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này thay đổi so với quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 75/2018/TT-BTC thì từ năm tài chính 2025 thực hiện xác định mức hao mòn hàng năm của tài sản như sau:

$$\text{Mức hao mòn hàng năm của tài sản} = \frac{\text{Giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo sổ kế toán}}{\text{Thời gian tính hao mòn còn lại của tài sản (năm)}}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn} \\ \text{còn lại của tài sản} \\ \text{(năm)} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Thời gian tính hao mòn của tài} \\ \text{sản cùng loại theo quy định} \\ \text{(năm)} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thời gian đã sử} \\ \text{dụng của tài sản} \\ \text{(năm)} \end{array}$$

Thời gian tính hao mòn của tài sản cùng loại được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư này.

Riêng mức hao mòn tài sản cho năm cuối cùng thuộc thời gian để tính hao mòn của tài sản được xác định là hiệu số giữa nguyên giá và số hao mòn lũy kế của tài sản đó.

Trường hợp tài sản đã hết thời gian tính hao mòn theo quy định, nhưng tài sản vẫn còn giá trị còn lại thì mức hao mòn của năm 2025 bằng giá trị còn lại của tài sản tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải có nguyên giá từ 10 triệu đến dưới 30 triệu đồng đã được theo dõi trên sổ kế toán theo quy định tại Thông tư số 75/2018/TT-BTC thì từ năm tài chính 2025 thực hiện mở sổ theo dõi tài sản là công cụ dụng cụ theo quy định của pháp luật về chế độ kế toán, không thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

Điều 16. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và được áp dụng từ năm tài chính 2025.

2. Các nội dung quy định về chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải từ Điều 1 đến Điều 11 và mục III Phụ lục của Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi hết hiệu lực thi hành khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

4. Các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm chỉ đạo tổ chức thực hiện việc quản lý, tính hao mòn, kê khai, báo cáo về tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải theo quy định tại Thông tư này./.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Kháng

Phụ lục
CÁC BIỂU MẪU

*(Kèm theo Thông tư số 72/2025/TT-BTC ngày 02 tháng 7 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

Mẫu số 01A	Báo cáo kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 01B	Báo cáo kê khai bổ sung thông tin.
Mẫu số 01C	Báo cáo kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 01D	Báo cáo tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 02A	Báo cáo tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.
Mẫu số 02B	Báo cáo tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải.

Mẫu số 01A

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO****Kê khai lần đầu tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải****A. Thông tin về đối tượng báo cáo**

Tên đối tượng:.....

Mã đơn vị:

Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường..... Tỉnh/Thành phố.....

Loại hình:

B. Thông tin về người lập biểu:

Họ và tên:

Điện thoại liên hệ:

Email:

C. Thông tin về tài sản

STT	Tài sản (Chi tiết theo từng loại tài sản)	Địa chỉ	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng/ Khối lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m ²)		Giá trị (đồng)		Tình trạng sử dụng của tài sản		Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ mục đích công cộng
					Đất	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Còn sử dụng được	Hỏng, không sử dụng được	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12

....., ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ**BÁO CÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Mẫu số 01A:

- Đối tượng báo cáo: Tên cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, khoản 3 Điều 2 Thông tư này.

- Cột (2) Tài sản: Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư này.

- Cột (4) Năm đưa vào sử dụng: Ghi năm tài sản được bắt đầu đưa vào sử dụng. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì ghi N/A.

- Cột (6) Diện tích đất là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

- Cột (8) Nguyên giá: Theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Điều 6 Thông tư này.

- Cột (10), (11) Tình trạng sử dụng của tài sản: Còn sử dụng được/Hỏng, không sử dụng được.

- Cột (12): Tài sản kết cấu hạ tầng phục vụ mục đích công cộng theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Mẫu số 01B

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO****Kê khai bổ sung thông tin****A. Thông tin về đối tượng báo cáo**

Tên đối tượng báo cáo:.....

Mã đơn vị:

Địa chỉ: Thôn/Xóm..... Xã/Phường..... Tỉnh/Thành phố.....

B. Thông tin thay đổi

STT	Chỉ tiêu	Thông tin đã kê khai	Thông tin thay đổi	Ngày tháng thay đổi thông tin	Lý do thay đổi thông tin	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
I. Về cơ quan quản lý tài sản						
1	Tên					
2	Địa chỉ					
3	Cơ quan quản lý cấp trên					
4	Thông tin khác					
II. Về tài sản						
1	Loại/cấp/hạng					
2	Số lượng/Khối lượng/Chiều dài...					
3	Diện tích đất					
4	Diện tích sàn sử dụng nhà					
5	Năm đưa vào sử dụng					
6	Nguyên giá					
7	Giá trị còn lại					
8	Tình trạng sử dụng của tài sản					
9	Phương thức khai thác tài sản					
10	Thông tin khác					

....., ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ**BÁO CÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Mẫu số 01B:

- Đối tượng báo cáo: Tên cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, khoản 3 Điều 2 Thông tư này.

- Cột (3) Thông tin đã kê khai: Là thông tin tại Mẫu số 01A ban hành kèm theo Thông tư này.

- Phương thức khai thác tài sản: Theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

Mẫu số 01C

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỐI TƯỢNG BÁO CÁO**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO****Kê khai tăng, giảm tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải****A. Thông tin về đối tượng báo cáo**

Tên đối tượng:.....

Mã đơn vị:.....

B. Thông tin về tài sản

ĐVT: đồng

STT	Danh mục tài sản	Hình thức xử lý tài sản	Quyết định xử lý (Số, ngày)	Đối tượng tiếp nhận tài sản	Tổng số tiền thu được	Số tiền nộp tài khoản tạm giữ	Chi phí xử lý	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9= (6-8)	10
	Tổng cộng								

....., ngày... tháng... năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN/ĐƠN VỊ**BÁO CÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập Mẫu số 01C:

- Đối tượng báo cáo: Tên cơ quan quản lý tài sản quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ, khoản 3 Điều 2 Thông tư này.

- Cột (2): Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP và Điều 3 Thông tư này.

- Cột (3) Hình thức, phương thức xử lý: Theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

- Cột (4) Quyết định xử lý: Theo quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

- Cột (7), (8), (9): Theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

Mẫu số 01D**BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN....****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO****Tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải
(Theo từng phương thức khai thác tài sản)****A. Thông tin về đối tượng báo cáo**

Tên đơn vị:.....

Mã đơn vị:.....

B. Thông tin về tình hình khai thác tài sản

STT	Danh mục tài sản	Phương thức khai thác	Hợp đồng khai thác tài sản				Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được phê duyệt		Quản lý, sử dụng số tiền thu được (đồng)			Ghi chú
			Số, ngày	Giá trị Hợp đồng (đồng)	Thời hạn khai thác (năm, tháng)	Tổ chức, doanh nghiệp nhận khai thác	Quyết định phê duyệt dự án đầu tư (Số/ngày)	Tổng số vốn đầu tư (đồng)	Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng cộng											

....., ngày... tháng... năm.....

**XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ
CẤP TRÊN (nếu có)**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)**Hướng dẫn lập Mẫu số 01D:**

- Cột (2): Danh mục tài sản thuộc phạm vi quản lý được quy định tại Điều 3 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ và Điều 3 Thông tư này.

- Cột (3) Phương thức khai thác: Theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

- Cột (4), (5), (6), (7) Hợp đồng khai thác tài sản: Theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

- Cột (8), (9) Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản được phê duyệt: Theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 84/2025/NĐ-CP.

- Cơ quan quản lý cấp trên: Là cơ quan cấp trên trực tiếp của cơ quan quản lý tài sản.

Mẫu số 02A

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải

Kỳ báo cáo.....

STT	Cơ quan quản lý tài sản/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng/ Khối lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Hình thức xử lý tài sản						Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản (đồng)			Ghi chú
				Đất	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Thu hồi	Điều chuyển	Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý	Thanh lý	Xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Khác	Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng cộng																

....., ngày... tháng... năm.....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ
CẤP TRÊN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu số 02B

BỘ XÂY DỰNG/UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...
CƠ QUAN....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
Tổng hợp tình hình khai thác tài sản kết cấu hạ tầng hàng hải
Kỳ báo cáo.....

STT	Cơ quan quản lý tài sản/ Danh mục tài sản	Năm đưa vào sử dụng	Số lượng/ Khối lượng/ Chiều dài...	Diện tích (m ²)		Giá trị tài sản (đồng)		Phương thức khai thác tài sản			Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ khai thác tài sản (đồng)			Ghi chú
				Đất	Sàn sử dụng nhà	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trực tiếp tổ chức khai thác	Cho thuê quyền khai thác tài sản	Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản	Số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Số tiền nộp ngân sách nhà nước	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Tổng cộng													

....., ngày... tháng... năm.....
XÁC NHẬN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ
CẤP TRÊN (nếu có)
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN BÁO CÁO
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417
- Phát hành: 080.44243
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>